

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 (gọi tắt là Kết luận số 92-KL/TW).

Thực hiện Công văn số 377-CV/TU ngày 23/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành về hệ thống chính sách xã hội, nhằm tạo sự chuyển biến tích cực, huy động sự tham gia của hệ thống chính trị trong việc cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng, đối tượng yếu thế, người nghèo, hộ thuộc diện khó khăn, người dân phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Yêu cầu

Đẩy mạnh công tác truyền thông, triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, tạo điều kiện cho các đối tượng yếu thế được tiếp cận, thụ hưởng các chính sách, chương trình an sinh xã hội phù hợp trên địa bàn tỉnh.

II. NHIỆM VỤ

1. Về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Giải quyết đầy đủ, kịp thời chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; Bảo đảm cơ bản không còn hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng, 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn; đẩy

manh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực trong cộng đồng chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng.

2. Về giảm nghèo và trợ giúp xã hội

- Tiếp tục huy động nguồn lực cho công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án cho hộ nghèo, hộ cận nghèo như: Hỗ trợ y tế, hỗ trợ giáo dục, hỗ trợ tín dụng... và các chính sách, dự án thuộc chương trình mục tiêu giảm nghèo (MTQG) giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội giai đoạn 2021-2025, phấn đấu toàn tỉnh giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3%/ năm (riêng các huyện nghèo 4,3%).

- Đảm bảo 100% đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hưởng chính sách được trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng; 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, hỏa hoạn được trợ giúp kịp thời. Tiếp tục thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức trong việc giúp đỡ các đối tượng yếu thế xã hội. Phổ biến, giới thiệu các mô hình quản lý, các mô hình cung cấp dịch vụ hiệu quả, các gương “người tốt, việc tốt”..., khuyến khích các đối tượng yếu thế tự vươn lên trong cuộc sống, khắc phục tính ỷ lại, trông chờ vào trợ giúp của Nhà nước.

3. Về chính sách việc làm, giáo dục nghề nghiệp

Triển khai các chính sách hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động; đẩy mạnh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thực hiện có hiệu quả chương trình giải quyết việc làm.

Tiếp tục triển khai tốt công tác giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động; phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn tỉnh đạt 62,8%; hằng năm, đào tạo nghề cho 8.000 người, giải quyết việc làm cho 8.500 lao động.

4. Về bảo hiểm xã hội

Đa dạng hóa các hình thức bảo hiểm xã hội, mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; chú trọng việc tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người dân.

Phấn đấu đến năm 2025, có 20%, năm 2030 có 25% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 1,1% lực lượng lao động trong độ tuổi; khoảng 18% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp; có khoảng 18,5% số người sau độ tuổi nghỉ hưu

được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội. Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm đạt mức 80% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

5. Về giáo dục, đào tạo

Thực hiện việc hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, xây dựng và nâng cao chất lượng xã hội học tập, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Tiếp tục thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, đề án, kế hoạch của Trung ương, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Tỉnh về đổi mới giáo dục và đào tạo nhằm xây dựng nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người, đảm bảo giáo dục tối thiểu cho người dân.

Nâng cao chất lượng học sinh trong các trường vùng khó khăn, các trường dân tộc nội trú, bán trú. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, phấn đấu đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 66% trường học đạt chuẩn quốc gia; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn mức độ 2 về phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó 89% số xã, phường, thị trấn trở lên đạt chuẩn mức độ 3; tỉnh đạt chuẩn mức độ 1 về phổ cập giáo dục trung học cơ sở, trong đó 80,5% số xã, phường, thị trấn trở lên đạt chuẩn mức độ 2.

6. Về chính sách nhà ở, nước sạch, thông tin - truyền thông

- Tăng cường quản lý xây dựng, phát triển các điểm dân cư nông thôn tập trung, khu dân cư thôn, bản, không để phát triển tự do, rải rác, khó khăn về hạ tầng thiết yếu. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La; thực hiện quy hoạch, bố trí sắp xếp lại dân cư, đặc biệt là vùng có nguy cơ thiên tai, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn.

- Đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025, áp dụng cơ chế nhà ở cho người có thu nhập thấp, người nghèo, người có công, thân nhân người có công với cách mạng; tạo điều kiện cho các tổ chức kinh doanh tham gia thực hiện các dự án phát triển nhà ở xã hội.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn bảo đảm mức tối thiểu về nước sạch cho người dân; cải thiện cơ bản tình trạng sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh của dân cư, đặc biệt là dân cư nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng núi. Hoàn thiện đầu tư, quản lý hạ tầng cấp nước sinh hoạt nông thôn bảo đảm không còn thôn, bản khó khăn về nước sinh hoạt. Phấn đấu đến năm 2025 trên 93% hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình đưa thông tin về cơ sở; củng cố và phát triển mạng lưới thông tin cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa. Tăng cường công tác thông tin truyền thông đến người dân nghèo; tiếp tục duy trì thực hiện chương trình giảm nghèo truyền thông. Phấn đấu duy trì 100% tỷ lệ phủ sóng phát thanh và truyền hình.

7. Về y tế, chăm sóc sức khỏe

Tiếp tục thực hiện đồng bộ chiến lược quốc gia về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, công tác dân số; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ sở. Đảm bảo nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh; cung ứng đủ thiết bị y tế thiết yếu. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 98%.

Tiếp tục triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, nhất là tiêm chủng mở rộng; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; phòng, chống lao và HIV/AIDS. Phấn đấu 100% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 12%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi còn dưới 20% vào năm 2025; trên 90% số xã có bác sĩ làm việc.

8. Về văn hóa

Tiếp tục quan tâm đầu tư, xây dựng các thiết chế văn hóa trên địa bàn tỉnh; phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa các dân tộc của địa phương. Tiếp tục thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Phấn đấu đến năm 2025 có 86% hộ gia đình, 75% thôn, bản, khu phố được công nhận đạt chuẩn văn hóa.

III. GIẢI PHÁP

1. Các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về an sinh xã hội theo Kết luận 92-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này đến cán bộ, công chức và Nhân dân.

Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị về thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp an sinh xã hội thời gian tới.

2. Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội... Giải quyết tốt các vấn đề bức xúc của xã hội, gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo mọi người dân đều công bằng trong tiếp cận giáo dục, văn hóa, y tế, môi trường, nước sạch...

3. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực cho thực hiện giảm nghèo và an sinh xã hội, huy động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh hỗ trợ cho các đối tượng yếu thế, thực hiện tốt các phong trào từ thiện, nhân đạo.

4. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức lao động xã hội cấp xã, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về an sinh xã hội trong giai đoạn mới.

5. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch và các chính sách an sinh xã hội kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý nghiêm minh những vi phạm, trực lợi trong thực hiện chính sách.

6. Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn, rút kinh nghiệm, kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Cơ quan chủ trì thực hiện Kế hoạch, có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban ngành, các huyện, thành phố thực hiện việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chính sách an sinh xã hội. Tham mưu, hướng dẫn, triển khai kịp thời các chính sách đối với người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội, giảm nghèo, dạy nghề, việc làm, bảo hiểm xã hội. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư công theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án trong lĩnh vực an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, báo cáo UBND tỉnh cân đối các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước trong năm cho các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và lồng ghép với các chương trình dự án, kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn tỉnh để thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

4. Sở Y tế

Tham mưu triển khai các chương trình, đề án, dự án về y tế; cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân ở các tuyến cơ sở; quan tâm ưu tiên các xã, thôn, bản có điều kiện về kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Xây dựng hệ thống

mạng lưới hỗ trợ tư vấn chuyên môn ở tuyến trạm y tế nhằm phát triển dịch vụ chăm sóc y tế toàn diện cho người dân, nhất là các đối tượng yếu thế trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch liên quan đến ngành đang quản lý.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Triển khai thực hiện các chương trình, đề án về giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch liên quan đến lĩnh vực ngành quản lý.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu về thông tin, truyền thông theo Kế hoạch. Hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh thường xuyên tuyên truyền về hoạt động đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội và công tác triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

7. Sở Xây dựng

Tham mưu thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các hoạt động hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

8. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Tham mưu xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa; triển khai có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu về bảo đảm nước sạch theo Kế hoạch đề ra. Tham mưu thực hiện Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La; Thực hiện quy hoạch, bố trí sắp xếp lại dân cư, đặc biệt là vùng có nguy cơ thiên tai, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn.

10. Ban Dân tộc tỉnh

Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, thực hiện và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

11. Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh

Thực hiện tốt công tác giải ngân nguồn vốn vay giải quyết việc làm, vốn vay cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cho người lao động đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài.

12. Đề nghị Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức thành viên tham gia phổ biến, thực hiện, vận động các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tích cực tham gia và giám sát việc thực hiện Chương trình chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện công tác an sinh xã hội phù hợp điều kiện thực tế địa phương. Chủ động bố trí ngân sách, huy động các nguồn lực thực hiện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội theo định kỳ và đột xuất về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TB&XH (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy (để b/c);
- U;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu VT, VX3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tổng Thanh Hải